

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị T và anh K”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông.

2. Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 123, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 352, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T và anh K vắng mặt (chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 16/4/2021, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

cãi nhau vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không sống chung với nhau cho đến nay. Hiện tại, chị nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh K.

Trong thời gian chung sống, chị và anh K có 01 con chung tên Nguyễn Lê Xuân Khang, sinh ngày 04/8/2012, đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con. Chị và anh K tự thỏa thuận về tài sản chung. Chị và anh K không có nợ chung.

Do chị đi làm công nhân, việc xin nghỉ rất khó khăn nên chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến về tố tụng và về nội dung:

Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T đối với anh Nguyễn Xuân K. Chị T được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Lê Xuân Khang, sinh ngày 04/8/2012 đến khi con đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Anh K được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T cho rằng chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Bé T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Xuân K. Anh K là bị đơn trong vụ án, cư trú tại ấp Bình Lợi, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Nguyễn Xuân K chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của chị T và Anh K được xem là hợp pháp. Tuy nhiên, chị T cho rằng trong thời gian chung sống, chị và anh K phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã không sống chung với nhau từ giữa năm 2020 đến nay, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, không còn hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh K.

Qua xác minh đối với người thân của anh K được biết sau khi kết hôn thì chị T và anh K sống bên gia đình anh K. Thời gian đầu, vợ chồng chị T và anh K sống hạnh phúc và có con chung. Sau đó, chị T và anh K phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau và không còn chung sống với nhau.

Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị T, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh K tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho chị T và anh K đoàn tụ nhưng anh K vắng mặt, không có ý kiến.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh K đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T để giải quyết cho chị T được

ly hôn anh K. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T khai chị và anh K có 01 con chung tên Nguyễn Lê Xuân Khang, sinh ngày 04/8/2012, đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy con chung của chị T và anh K là Nguyễn Lê Xuân Khang chưa thành niên, hiện tại do chị T nuôi dưỡng. Đồng thời, theo ý kiến của Nguyễn Lê Xuân Khang có nguyện vọng được sống với chị T. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của con chung thì cần giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” nhưng chị T không có yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T cho rằng chị và anh K tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T trình bày chị và anh K không có nợ chung

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T. Chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn anh Nguyễn Xuân K.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Bé T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Lê Xuân Khang, sinh ngày 04/8/2012 đến khi Nguyễn Lê Xuân Khang đủ 18 tuổi.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Bé T không yêu cầu anh Nguyễn Xuân K cấp dưỡng cho con.

Anh K được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Bé T trình bày chị và anh Nguyễn Xuân K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Bé T trình bày chị và anh Nguyễn Xuân K không có nợ chung.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006919 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã T;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang